

Hôm nay đánh dấu ngày Phạm Văn Đồng ký một bức thư năm 1958 gửi ông Chu Ân Lai, thủ tướng Trung Quốc.



Phạm Văn Đồng

Trong lá thư đó Phạm Văn Đồng đã nhân danh chính phủ của một nước Việt Nam chính thức để bày tỏ ý và bày tỏ tuyên bố mạnh mẽ ngay trước đó của chính phủ Trung Quốc với hai phần. Mà trong bức tuyên bố này Trung Quốc xác nhận các quyền đối Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ của họ, giống như Đài Loan, Bành Hồ. Bức công hàm ngày 14 tháng 9 đòi một di sản này nhưng ngày nay người Việt Nam còn chịu hậu quả. Nhưng hậu quả chính trị, ngoại giao nghiêm trọng đã bị t; trong bài này sẽ nêu lên một trong những hậu quả về kinh tế.

Chữ ký của Phạm Văn Đồng đã ngăn cản việc khai thác tài nguyên và phát triển đất nước Việt Nam.

Từ năm 1958 tới nay, Bộ Kinh luôn luôn vin vào lá thư của Phạm Văn Đồng để nói rằng chính quyền Cộng Sản Việt Nam đã công nhận họ là chủ nhân của quần đảo Hoàng Sa. Họ đã dùng vũ lực đánh chiếm Hoàng Sa năm 1974, hai quân Việt Nam Cộng Hòa đã anh dũng kháng cự với bao chiến sĩ đã hy sinh. Hành động cướp đoạt thô bạo này, diễn ra trong thời gian mới cách đây 37 năm, là một bức thư chèn ép cho thấy là Hoàng Sa vốn là của Việt Nam, đã bị Trung Cộng chiếm giữ. Với bức ghi nhận nhiên đó bất cứ chính quyền Việt Nam nào cũng có thể đưa ra tòa án quốc tế để đòi xét xử và lý luận. Nhưng vì lá thư Phạm Văn Đồng chính quyền Hà Nội há miệng mà c quai. Người ta nói, khi nói ra còn bị Bộ Kinh tố cáo là “vô căn” và “lạc lõng”.

Vin vào lá thư của Phạm Văn Đồng, với quyền làm chủ Hoàng Sa, Trung Quốc cho quyền tấn công các ngư dân Việt Nam tại Quần đảo Nam, Quần đảo Ngã, Quy Nhơn không cho đi đánh cá ngoài khơi. Bao động bào một phần quyền sinh sống. Họ còn đe dọa và ngăn cấm các công ty quốc tế không cho tìm và khai thác dầu khí trong vùng biển thuộc nước ta. Người Việt Nam không được hưởng những tài nguyên thiên nhiên từ tiền chúng ta để lại!

Việc ngăn cấm các công ty quốc tế tìm dầu trong thềm lục địa Việt Nam buộc chính quyền Bộ Kinh phải giải thích với nước có những hàng dầu bậc nhất. Và họ đã vin vào lá thư Phạm Văn Đồng làm bức thư. Một điểm vẫn của đời sống Miền Bắc Hà Nội (mới tái lập cuối tháng 8 năm 2011) kể lại một cuộc tiếp xúc với quan chức Trung Quốc để nghe họ biện minh việc cấm đoán các hãng

dù M. Trong cuộc gặp gỡ ngày 7 tháng 3 năm 2008 với nhân viên ngoại giao M, ông Trần Hoa (Zheng Zhenhua Đ/N), phó chủ nhiệm phòng Kế Hoạch thu nhập V Á Châu, Bộ Ngoại giao Bộ Kinh, đã nêu lên lá thư do ông Phạm Văn Đồng ký gửi Thủ Tướng Chu Ân Lai để chứng minh Việt Nam đã chính thức công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ năm 1958.

Trước hết, Trần Hoa gợi thích về đồng Lôi Bò (còn gọi là Cẩu Đồn Tuy) trong vùng biển Đông của nước ta, nói rằng nó đã được chính phủ Thủ tướng Giỏi Thủ chấp nhận ra từ năm 1947, rồi lại được nêu lên chính thức trong đạo luật về vùng kinh tế đặc biệt ven biển năm 1998 của Bộ Kinh. Trần Hoa cũng nói từ năm đó cho đến thập niên 1960 “không một quốc gia nào có thể nêu câu hỏi nghi ngờ về chủ quyền của Trung Quốc” trên các quần đảo đó. Ý nói cả chính quyền Việt Nam và Hà Nội cũng không hỏi lên tiếng phản đối. (Số thật thì chính quyền Việt Nam ở Sài Gòn, từ năm 1956 đã nhieu lần xác nhận chủ quyền trên các quần đảo này, bác bỏ lập trường của Bộ Kinh.)

Trần Hoa còn dẫn số tích lịch sử, nói từ đời Đông Hán ((23-220) dân Trung Hoa đã sống ở các đảo đó; và trong thời Nam Bắc Triều nhà (Nam) Tống (420-478) đã đặt các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc vào tỉnh Quảng Đông. Nhưng lý luận này hoàn toàn vô giá trị. Không thể chiếm đóng một nước khác rồi dùng làm chứng cứ coi đó là lãnh thổ của mình. Thủ tướng Đông Hán cho tướng nhà Đông Ngô, tướng có nước Việt Nam bỏ “chiếm đóng”; Ngược lại Việt chỉ từ giữa phóng được từ thế kỷ 10. Trong thời gian chiếm đóng thì các vua quan nước Tàu có việc coi bắt công nhân Việt nào, ở đâu, cũng là “dân” của họ. Có việc ghi tên bắt công vùng đất nào của Việt Nam vào một tỉnh nước Tàu. Hoàng Sa và dân sống ở Hoàng Sa cũng vậy. Nếu dùng lý luận của Trần Hoa thì người Tàu có thể nói rằng Sơn, Hà Nội cho tướng Vinh đưa thuộc lãnh thổ Trung Quốc hay sao? Các ông Tô Địch, Cao Biền, Trần Bá Tiên chứng đã từng đặt các tỉnh của Việt Nam vào trong địa giới nước Tàu hay sao? Nói vậy chứng khác gì chính phủ Anh Quốc tuyên bố các tiểu bang miền Đông nước Mỹ ngày nay về thuộc chủ quyền của nước Anh vậy!

Cuộc tiếp xúc của Trần Hoa có thể gợi thích cho chính phủ Mỹ hiểu lý do họ đã ngăn cản không cho công ty dầu lửa Mỹ Chevron hợp tác với công ty Dầu khí Việt Nam thăm dò tại Block số 122, giữa Hoàng Sa và biển nước ta. Trần Hoa cho nhà ngoại giao Mỹ biết rằng Bộ Kinh chỉ vạch giới hạn 12 hải lý như là hải phận của mình ở quanh các đảo Hoàng Sa, nên họ coi là có chủ quyền chủ chốt. Còn chung quanh các đảo Trường Sa thì họ không làm, vì còn nhieu tranh chấp với các nước khác “phức tạp hơn”. Số phân biệt này rõ ràng là vì chính quyền Bộ Kinh dùng lá thư ông Phạm Văn Đồng ký ngày 14 tháng 9 năm 1958 biển hiện về làm chủ Hoàng Sa, coi như không cần bàn cãi nữa. Mặt hậu quả là Trung Cộng ngăn cản các công ty dầu khí quốc tế không được thăm dò và khai thác gần Hoàng Sa.

Công ty Chevron, hợp tác với Petronas/Carigali đã dự tính thăm dò ở phía Tây Block 122, nằm bên ngoài vùng tranh chấp Hoa-Việt quanh quần đảo Hoàng Sa. Nội này Chevron cho biết là vùng có triển vọng tìm được dầu và khí đốt cao nhất, chọn cách biển Việt Nam 17 hải lý, nhưng vẫn bị Trung Cộng ngăn cản. Mặt quần đảo cao cấp của công ty Chevron thú nhận rằng họ sợ Bộ Kinh trừng phạt, trong một dự án lớn hợp tác với công ty Dầu Khí Trung Quốc, PetroChina khai thác khí đốt ở tỉnh Tây Xuyên. Chevron phải bãi bỏ việc thăm dò Block 122.

Ngoài công ty Chevron, trong vòng mấy tháng đầu năm 2008 các công ty dầu khí British Petroleum (BP) của Anh; Idemitsu, Nippon Teikoku Nhật Bản; Santos của Úc; Pearl Energy của Singapore; và Lundin Petroleum của Thụy Điển cũng phải bỏ các dự án khai thác dầu trong vùng biển Việt Nam vì bị Trung Cộng đe dọa. Đó là một hậu quả của lá thư ông Phạm Văn Đồng ký ngày 14 tháng 9 năm 1958! Quyển lịch kinh tế và văn hóa phát triển công nghiệp của nước Việt Nam bắt đầu từ đây vì bao nhiêu dự án khí không được khai thác. Bắc Kinh còn nêu lên những “bằng chứng pháp lý” khác để chứng minh Cộng Sản Việt Nam đã công nhận chủ quyền của họ trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, qua những lời tuyên bố của ông Ung Văn Khiêm, một ngoại giao gia, hay những tờ mờ mờ chính thức và sách giáo khoa do chính quyền Hà Nội in để ghi các đảo trên thuộc Trung Quốc. Những các chứng cứ trên không đủ mạnh mẽ bằng mặt văn kiện do một ông thư thư của Việt Nam ký tên.

Các công dân của đất nước Miền Bắc Hà Nội cũng cho biết PetroVietnam đã hứa với Chevron rằng họ sẽ quân Việt Nam sẽ bỏ các công tác ngoài biển! Chắc Chevron đã biết chính quyền Hà Nội thì ông “nhún mình” trước Trung Cộng như thế nào. Lời hứa hẹn “bỏ bỏ” này không thể thực hiện được! Ngay cả với các bỏ bỏ các ngành dân đi đánh cá bỏ bỏ t cóc đòi tiền chuộc mà chính quyền Việt Nam cũng không làm được, thế họ làm sao họ dám đứng lên khi đứng vào các quyền lợi của họ như dầu khí?

Trong khi đó thì ngay cả những tàu thủy Petro Việt Nam thuê đi thăm dò đáy biển cũng bị tàu Trung Cộng chặn cản dây cáp thủy tay, trong lúc các ông Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Phú Trọng vẫn ca ngợi tình đồng chí anh em với 16 chữ vàng! Chắc kho tài nguyên dầu khí của nước ta sẽ bị chính quyền Bắc Kinh phong tỏa, không được sử dụng. Cho tới bao giờ có một chính quyền Việt Nam chủ chủ phân chia phần với họ trong việc khai thác các mỏ dầu khí trong vùng này, mà trong đó Trung Cộng sẽ chiếm lấy phần lớn; may ra lúc đó các công ty ngoại quốc mới được phép khai thác gần quần đảo Hoàng Sa. Nếu các thỏa hiệp chia chác đó được gì bí mật theo lời giao thiệp “giữa đồng chí anh em” thì chắc không ngạc nhiên dân Việt nào được biết cả.

Những Trung Quốc không chỉ xúi xẩy với các nước khác cũng nằm trong tình trạng tranh chấp ở biển Đông. Trong công dân ngày 7 tháng 9 năm 2007, nhân với Chevron, tòa đại sứ Miền Bắc Hà Nội báo cáo với Bộ Ngoại Giao Miền Bắc cho biết các tòa đại sứ Miền Bắc Phi Luật Tân, Indonesia và Malaysia nói rằng chính phủ Bắc Kinh không thể can thiệp hay ngăn cản các công ty dầu khí khi đến khai thác tại vùng biển các nước này. Những hòn đảo tranh chấp giữa các nước trên với Trung Quốc thì nằm trong vùng Trường Sa, phía Nam Hoàng Sa, những đảo ở Trung Quốc gom trong Đỉnh Lưỡi Bò. Công dân này nhận xét: “Trong lúc các nước Đông Nam Á khác cũng ký các hiệp định cho khai thác (dầu khí) ở vùng biển Nam Trung Hoa đang có tranh chấp (với Trung Quốc) thì Trung Quốc chỉ phân biệt riêng các hiệp định ký với Việt Nam mà thôi!”

Tại sao họ có hai cách đối xử khác nhau như vậy? “Nếu công ty năng lượng quốc tế cho là việc tranh chấp có ý nghĩa sâu xa hơn, không phải chỉ là vấn đề dầu khí.” Trung Quốc không muốn để cho Việt Nam với những quốc gia trong vùng Đông Nam Á cùng một lúc. Tách riêng Việt Nam ra để thí nghiệm phương pháp đè nén, ép buộc xem kết quả sao; rồi sẽ tính chuyển với các nước khác. Phương pháp của nước mình vốn là “chia để trị”. Cho nên, Bắc Kinh nhất định đòi nói chuyện riêng với Việt Nam, không có nước nào khác can thiệp. Chủ nhân đàm phán song

phạm đồng là tôi bước vào trong bẫy của họ. Ngay bây giờ, họ đã đi xa theo cách tách rời Việt Nam và Hoàng Sa ra. Như ông Trần Xuân Hòa nói với người Mỹ, “trường hợp hợp Trường Sa phức tạp hơn”. Họ chặn Việt Nam để làm áp lực với các công ty dầu quốc tế, bởi vì nó “không phức tạp”. Chính quyền Trung Quốc coi như ngụy tạo để họ đi với Việt Nam không cần bàn cãi. Vì chế riêng đối với Việt Nam họ mới nắm được tay mặt vẫn kiên cố thép, là bậc thầy của ông Phạm Văn Đồng, của ông thủ tướng mới nước gọi ông thủ tướng nước khác. Và họ trường ra bằng cách đó bắt cứ khi nào phải giải thích trước các quan sát viên quốc tế. Các nước Đông Nam Á khác sợ thấy khó lòng bênh vực Việt Nam với Hoàng Sa khi Bắc Kinh trường lá thừng Phạm Văn Đồng ra.

Chính quyền Mỹ thì vốn đã phải tay, luôn luôn nói nước Mỹ không can thiệp vào như vùng biên, để còn tranh chấp Đông Nam Á. Ngay từ khi quân Trung Cộng tấn công Hoàng Sa năm 1974, các chiến sĩ Việt Nam bước lên tàu kêu cứu như ông Hồ Chí Minh ở Thủ Đức cũng không thêm tiếng cứu, chỉ vì sợ phải can thiệp! Ông Trần Xuân Hòa, ngay trong cuộc nói chuyện ngắn trên đây, sau khi xác định chủ quyền của Trung Quốc trong vùng Đông ng Lưỡi Bò, vốn cần thận trọng an nguy đi đi đến chính quyền Mỹ: “Trung Quốc cam kết tàu bè có quyền đi lại tự do trong vùng Đông ng Chín Đôn.” Hai năm sau, khi bà ngoại tôi trường và ông bước trường Quốc Phòng Mỹ lên tiếng ở Singapore với “quyền tự do hàng hải” trong vùng Đông Nam Á thì Bắc Ngoại giao Trung Quốc chặn như còng lỏi lỏi cam kết suông mà ông Trần Xuân Hòa đã nói. Bằng cách đó, họ có thể tiếp tục cô lập nước Việt Nam. Còn bao nhiêu máu dầu khí của dân ta sẽ bị khóa cửa, không cho khai thác. Đó là hậu quả chắc chắn của ông Phạm Văn Đồng ngày 14 tháng 9 năm 1958.

Khi còn sống ông Phạm Văn Đồng được tiếng là một ông thủ tướng tốt bụng, hiền lành, chăm chỉ, không muốn làm hại ai. Như cố sĩ Đồng Thái Sơn kể khi anh chỉ mới giải Duyệt Cung Chopin năm 1980, anh được ông thủ tướng mời vào khen ngợi. Trước khi tiếp gặp ông còn hỏi, “Cháu có cần bác giúp gì không?” Như cố sĩ trường xin cho thân phận anh được có lời hỏi khờ u ở Hà Nội, và ông Phạm Văn Đồng giúp ngay. Như thế, thi sĩ Đồng Đình Hồng đã được tiếp với sống ở Hà Nội sau hơn 20 năm bị lưu đày ở miền quê vì đã tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Nhà thơ được cử công đạo cử thang mặt ngôi nhà gần Chợ Cửa Nam. Đồng Thái Sơn như cái tên đó mãi mãi. Như lòng từ của ông thủ tướng chỉ giải hơn từ một đó thôi. Với ký bậc thầy ngày 14 tháng 9 năm 1958 chắc chắn không phải là sáng kiến của ông Phạm Văn Đồng. Suốt đời ông chỉ làm công việc ký giấy tờ, do người khác quyết định. Ông Đồng chỉ là một đồng viên tốt, thi hành mệnh lệnh do đồng sai bừa. Trong thời gian năm 1958, như người người nắm quyền quyết định cao nhất ở Hà Nội là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, vân vân. Cho nên nếu người bậc thầy ngày 14 tháng 9 là một “công hàm bán nước” thì cái tội bán nước không riêng ông Phạm Văn Đồng phải gánh.

9/14/2011